

**BẢNG THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH  
VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO**  
(*thực hiện điểm a khoản 1; điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô*)

STT	Nội dung đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Căn cứ, lý do đề xuất
<b>1</b>	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b>	
	<p>a) Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.</p> <p>b) Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng các dự án trong phạm vi khu công nghệ cao.</p> <p>c) Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố được đăng ký đầu tư tại khu công nghệ cao; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư dự án tại khu công nghệ cao.</p> <p>d) Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được của các doanh nghiệp có trụ sở chính tại khu công nghệ cao hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị có vị trí công việc cần sử dụng người lao động nước ngoài mà phạm vi làm việc chỉ trong khu công nghệ cao; chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu hoạt động tại khu công nghệ cao; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao</p>	<p>- Tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủ đô 2024 quy định: “<i>a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố</i>”.</p> <p>- Tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô 2024 quy định: “<i>Ban Quản lý khu công nghệ cao được thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</i></p> <p><i>a) Thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng trong phạm vi khu công nghệ cao;</i></p> <p><i>b) Chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao;</i></p> <p><i>c) Chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được của các doanh nghiệp có trụ sở chính tại khu công nghệ cao hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị có vị trí công việc cần sử dụng người lao động nước ngoài mà phạm vi làm việc chỉ trong khu công nghệ cao; chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu hoạt động tại khu công nghệ cao; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao không thuộc diện cấp giấy phép lao động;</i></p>

	<p>động đối với người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao; xác nhận người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao không thuộc diện cấp giấy phép lao động.</p> <p>đ) Quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép xây dựng đối với việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình trong phạm vi khu công nghệ cao.</p>	<p><i>d) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép xây dựng đối với việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình trong phạm vi khu công nghệ cao;”</i></p> <p>- Do đó, phạm vi điều chỉnh của Quy định này được xác định căn cứ theo các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô như đã nêu trên.</p>
	<p><b>2. Đối tượng áp dụng:</b></p>	
	<p>a) Chính quyền Thành phố, các cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền Thành phố và Ban quản lý khu công nghệ cao;</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động: thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao; lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn); chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động; xác nhận người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép xây dựng tại khu công nghệ cao.</p>	<p>- Trên cơ sở phạm vi điều chỉnh của Quy định, đề xuất quy định các đối tượng áp dụng bao gồm:</p> <p>+ Chính quyền thành phố (HĐND và UBND Thành phố), các cơ quan chuyên môn và Ban quản lý khu công nghệ cao (ghi rõ vì Ban quản lý là tổ chức hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô).</p> <p>+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động được quy định cụ thể tại Quy định này.</p>
<p><b>2</b></p>	<p><b>Điều 2. Giải thích từ ngữ</b></p>	
	<p>1. Khu công nghệ cao gồm khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao và khu công</p>	<p>- Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao thì Khu công nghệ cao chỉ bao gồm: khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32</p>

	<p>nghe thông tin tập trung quy định tại Điều 51 Luật Công nghệ thông tin.</p>	<p>Luật Công nghệ cao. Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thủ đô thì khu công nghệ cao còn bao gồm cả khu công nghệ thông tin tập trung.</p> <p>- Hiện nay, các nội dung liên quan đến khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Điều 51 Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Khoản 1 Điều 51 Luật Công nghệ thông tin: <i>“1. Khu công nghệ thông tin tập trung là loại hình khu công nghệ cao, tập trung hoặc liên kết cơ sở nghiên cứu - phát triển, sản xuất, kinh doanh, đào tạo về công nghệ thông tin. Tổ chức, cá nhân đầu tư và hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước áp dụng đối với khu công nghệ cao.”</i></p> <p>+ Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP: <i>“1. Nghị định này quy định về việc thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung; tổ chức quản lý hoạt động, cơ chế, chính sách và hoạt động quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung.”</i></p> <p>- Do đó, tại khoản này cần làm rõ khái niệm “khu công nghệ cao” theo Luật Thủ đô là bao gồm cả Khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Điều 51 Luật Công nghệ thông tin.</p>
	<p>2. Mở rộng khu công nghệ cao là việc điều chỉnh tăng quy mô diện tích khu công nghệ cao, trong đó khu vực mở rộng có vị trí lân cận hoặc liền kề, có thể kết nối với khu công nghệ cao hiện hữu.</p>	<p>- Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP, khái niệm “mở rộng khu công nghệ cao” được quy định như sau: <i>“1. Mở rộng khu công nghệ cao là việc điều chỉnh tăng quy mô diện tích khu công nghệ cao, trong đó khu vực mở rộng có ranh giới lân cận hoặc liền kề, có thể kết nối, sử dụng chung hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật với khu công nghệ cao đã được hình thành trước đó.”</i></p> <p>- Việc quy định “sử dụng chung hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật với khu công nghệ cao đã hình thành trước đó” có thể không phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố vì trong trường hợp mở rộng khu công</p>

		<p>nghệ ra khu vực lân cận gần (không phải liền kề) với khu công nghệ cao hiện hữu thì việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật là không khả thi. Vì vậy, đề xuất chỉ quy định chung là “có thể kết nối với khu công nghệ cao hiện hữu”, không quy định cụ thể là “sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật” hay “kết nối về hạ tầng kỹ thuật” để bảo đảm tính khả thi khi thực hiện việc mở rộng các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.</p>
	<p>3. Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất (bao gồm cả đất có mặt nước) đã được giao, cho thuê, cho thuê lại để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên tổng diện tích đất được quy hoạch để giao, cho thuê theo quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt.</p>	<p>- Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP, khái niệm “tỷ lệ lấp đầy khu công nghệ cao” được quy định như sau: “2. <i>Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất (bao gồm cả đất có mặt nước) nhà đầu tư đã sử dụng sau khi được giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên tổng diện tích đất được quy hoạch để giao, cho thuê theo quy hoạch phân khu được phê duyệt.</i>”</p> <p>- Việc quy định tỷ lệ lấp đầy tính trên diện tích đất “đã sử dụng” là không cần thiết và có thể sẽ có những khó khăn trong quá trình thực hiện do phải khảo sát, đánh giá hiện trạng từng nhà đầu tư cụ thể. Do đó, đề xuất tính trên diện tích đất “đã giao, cho thuê, cho thuê lại” bởi vì việc giao đất, cho thuê đất tại khu công nghệ cao được gắn với dự án đầu tư cụ thể và theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư nên số liệu về diện tích đất được giao, cho thuê, cho thuê lại ghi tại Quyết định giao đất, cho thuê đất, hợp đồng thuê lại đất là số liệu phản ánh chính xác về tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao. Bên cạnh đó, việc xác định tỷ lệ lấp đầy theo phương án này cũng sẽ đơn giản và thuận tiện hơn cho các cơ quan trong quá trình thực hiện.</p>
	<p>4. Đơn vị thẩm định là các đơn vị chuyên môn thực hiện công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và đầu tư thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao. Đơn vị thẩm định được sử dụng con dấu</p>	<p>- Để bảo đảm tách bạch, phân định rõ vai trò, trách nhiệm của cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt quy hoạch hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Ban Quản lý đề xuất quy định các đơn vị chuyên môn thực hiện công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và đầu tư thuộc Ban quản</p>

	<p>của Ban quản lý khu công nghệ cao để ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định theo quy định.</p>	<p>lý khu công nghệ cao là đơn vị thẩm định. Nội dung này được đề xuất trên cơ sở tham khảo Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó quy định Phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý thực hiện việc thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch, nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới (điểm c khoản 1 Điều 8).</p> <p>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định cần được ban hành và gửi đến đơn vị tổ chức lập quy hoạch để chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định. Do đơn vị chuyên môn thuộc Ban quản lý không có con dấu riêng, vì vậy đề xuất quy định đơn vị này được sử dụng con dấu của Ban quản lý để ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi đến đơn vị tổ chức lập quy hoạch</p>
<p><b>3</b></p>	<p><b>Điều 3. Điều kiện thành lập và mở rộng ranh giới khu công nghệ cao</b></p>	
	<p>1. Điều kiện chung và điều kiện cụ thể về thành lập khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao được thực hiện theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao.</p>	<p>- Tại Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP đã quy định các điều kiện chung và điều cụ thể về thành lập khu công nghệ cao. Các điều kiện này là phù hợp để áp dụng đối với Thành phố Hà Nội, do đó đề xuất áp dụng quy định chung về điều kiện thành lập khu công nghệ cao theo Nghị định số 10/2024/NĐ-CP, mà không cần quy định cụ thể tại Quy định này.</p>
	<p>2. Điều kiện thành lập đối với khu công nghệ thông tin tập trung:</p> <p>a) Đáp ứng các điều kiện chung về thành lập khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao;</p> <p>b) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển công nghệ thông tin của Thành phố;</p> <p>c) Đáp ứng các điều kiện để triển khai các nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Do đối tượng khu công nghệ cao quy định tại Nghị định số 10/2024/NĐ-CP chỉ bao gồm khu công nghệ cao tại Điều 31 Luật Công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Điều 32 Luật Công nghệ cao nên cần quy định bổ sung điều kiện thành lập đối với khu công nghệ thông tin tập trung.</p> <p>- Các điều kiện thành lập khu công nghệ thông tin tập trung được đề xuất tại Quy định này với các lý do và căn cứ như sau:</p>

<p>d) Có phương án khả thi cung ứng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ thuận lợi đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu - phát triển, đào tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.</p>	<p>+ Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP đã quy định về điều kiện thành lập khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm: a) <i>Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đã được phê duyệt; b) Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung phải phù hợp với các quy định tại Điều 4 Nghị định này; c) Các khu công nghệ thông tin tập trung đang hoạt động trên địa bàn có diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 60%.</i></p> <p>+ Tuy nhiên, sau khi rà soát, Ban Quản lý thấy rằng các quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP hiện không còn phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tế, ví dụ như: “quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung” hiện không nằm trong danh mục các quy hoạch tổng thể Quốc gia của Luật Quy hoạch 2017; quy định điều kiện thành lập mới một khu công nghệ thông tin phải căn cứ vào tỷ lệ lấp đầy 60% của các khu công nghệ thông tin hiện hữu là không cần thiết (quy định tỷ lệ lấp đầy chỉ nên áp dụng đối với trường hợp mở rộng).</p> <p>+ Bên cạnh đó, do Luật Thủ đô đã xác định khu công nghệ cao thông tin tập trung cũng là khu công nghệ cao thì việc thành lập khu công nghệ thông tin tập trung cũng cần phải đáp ứng các điều kiện về thành lập khu công nghệ cao theo Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.</p>
<p>3. Việc mở rộng khu công nghệ cao phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao. Đối với điều kiện về tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao hiện hữu, trường hợp chưa đạt tỷ lệ lấp đầy theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao, căn cứ nhu cầu và sự cần thiết trong việc mở rộng khu công nghệ cao, Ban quản lý khu công nghệ cao báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo và trình Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận về chủ</p>	<p>- Tại Điều 6 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP đã quy định các điều kiện về mở rộng khu công nghệ cao. Các điều kiện này là phù hợp để áp dụng đối với Thành phố Hà Nội, do đó đề xuất áp dụng quy định chung về điều kiện mở rộng khu công nghệ cao theo Nghị định số 10/2024/NĐ-CP, mà không cần quy định cụ thể tại Quy định này.</p> <p>- Riêng đối với điều kiện về tỷ lệ lấp đầy 60% theo quy định tại Nghị định 10/2024/NĐ-CP có thể dẫn đến những khó khăn cho việc mở rộng,</p>

	<p>trương trước khi triển khai thủ tục đề nghị mở rộng khu công nghệ cao.</p>	<p>ví dụ như Khu CNC Hòa Lạc hiện nay tỷ lệ lấp đầy khoảng 30% nhưng Thành phố cũng đang có chủ trương mở rộng khu công nghệ cao. Vì vậy, đề xuất quy định nội dung này theo hướng mở, trong đó về nguyên tắc vẫn phải áp dụng các quy định chung của pháp luật về khu công nghệ cao, còn trong trường hợp tỷ lệ lấp đầy chưa đạt theo quy định nhưng căn cứ nhu cầu thực tiễn, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố để chấp thuận về chủ trương mở rộng, làm căn cứ để triển khai thủ tục mở rộng theo quy định.</p>
<p><b>4</b></p>	<p><b>Điều 4. Điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao</b></p>	
	<p>1. Trường hợp điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao do cần thực hiện, cập nhật các quy hoạch cấp trên hoặc các quy hoạch cùng cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch và xây dựng.</p> <p>2. Trường hợp điều chỉnh ranh giới làm giảm quy mô diện tích khu công nghệ cao do khu công nghệ cao hiện hữu giảm nhu cầu sử dụng đất thì việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao được thực hiện theo Quy định này.</p>	<p>- Việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao có thể thuộc một trong các trường hợp: 1) Điều chỉnh ranh giới cục bộ tại một số khu vực do ảnh hưởng của các quy hoạch cấp trên hoặc quy hoạch cùng cấp (ví dụ đưa một số lô đất của khu công nghệ cao vào quy hoạch sử dụng đất an ninh; nắn chỉnh chỉ giới một số tuyến đường vành đai của khu công nghệ cao theo quy hoạch chung của Thành phố hoặc của đô thị Hòa Lạc,...); 2) Điều chỉnh ranh giới đồng thời giảm quy mô diện tích (ví dụ trường hợp khu công nghệ cao cao giảm nhu cầu sử dụng đất do không có khả năng phát triển với quy mô ban đầu; do không khả thi trong công tác giải phóng mặt bằng và thu hồi đất nên cần đưa một số khu vực ra khỏi ranh giới quy hoạch để trả lại địa phương,...).</p> <p>- Đối với trường hợp 1 thì việc điều chỉnh ranh giới chỉ là việc cập nhật các quy hoạch cấp trên hoặc quy hoạch cùng cấp đã được phê duyệt, mà không cần phải đánh giá lý do, sự cần thiết,... của việc điều chỉnh. Hành lang pháp lý cho việc điều chỉnh này đã được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Xây dựng 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018). Vì vậy, đề xuất quy định rõ việc điều chỉnh ranh giới trong</p>

		<p>trong trường hợp này sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành về quy hoạch và xây dựng.</p> <p>- Còn đối với trường hợp 2, do việc điều chỉnh ranh giới làm giảm quy mô diện tích của khu công nghệ cao và có thể làm ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển của khu công nghệ cao hiện hữu nên cần có sự xem xét, đánh giá về căn cứ pháp lý, lý do, sự cần thiết, các tác động của việc điều chỉnh,... nên đề xuất cần quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao tại Quy định này.</p>
<b>5</b>	<b>Điều 5. Hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao</b>	
	<p>1. Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức lập hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao. Đối với khu công nghệ cao được đầu tư kết cấu hạ tầng hoàn toàn bằng nguồn vốn huy động, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng gửi hồ sơ đề xuất cho Ban quản lý khu công nghệ cao để thực hiện thủ tục lập hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao theo Quy định này.</p>	<p>- Theo quy định tại Nghị định 10/2024/NĐ-CP thì UBND cấp tỉnh là cơ quan lập hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao (khoản 1 Điều 7); Bộ KH-CN và Bộ NN&amp;PTNT là cơ quan chủ trì đánh giá hồ sơ đề nghị của UBND cấp tỉnh tương ứng với từng loại hình khu công nghệ cao và trình cơ quan có thẩm quyền (khoản 1 Điều 8); Thủ tướng Chính phủ là người có thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao (khoản 2 Điều 9) và ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao (khoản 2 Điều 41).</p> <p>- Tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủ đô đã phân quyền cho UBND Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao và ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao do mình thành lập. Vì vậy, để UBND Thành phố thực hiện được các thẩm quyền của mình theo quy định của Luật Thủ đô, cần phải quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, vai trò của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện thủ tục thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao.</p> <p>- Về công tác lập hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao, đề xuất giao Ban quản lý khu công nghệ cao là cơ quan chủ trì lập. Ngoài ra, trên thực tế còn có khu công nghệ cao được</p>



		<p>đầu tư hạ tầng hoàn toàn bằng vốn huy động ngoài ngân sách Nhà nước (loại hình khu công nghệ cao quy định tại khoản 4 Điều 95 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai), do đó đề xuất trong trường hợp này thì chủ đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao sẽ phải lập hồ sơ đề xuất gửi cho Ban quản lý để Ban quản lý làm cơ quan đầu mối đề nghị với UBND Thành phố và thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.</p>
	<p>2. Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao do Ban quản lý khu công nghệ cao lập bao gồm:</p> <p>a) Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị thành lập, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao, bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao.</p> <p>b) Đề án thành lập, mở rộng khu công nghệ cao bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao.</p> <p>c) Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao đối với trường hợp thành lập khu công nghệ cao.</p>	<p>- Đề xuất quy định cụ thể hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gồm Tờ trình, Đề án và Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao trong trường hợp đề nghị thành lập khu công nghệ cao, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP (gồm Tờ trình và Đề án), ngoài ra bổ sung thêm “Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao đối với trường hợp thành lập khu công nghệ cao” để các cơ quan chuyên môn có ý kiến góp ý luôn trong quá trình Ban quản lý lập hồ sơ và Hội đồng cũng có ý kiến đánh giá luôn trong quá trình xem xét, đánh giá hồ sơ, làm căn cứ để UBND Thành phố ban hành Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao cùng với việc quyết định thành lập khu công nghệ cao theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủ đô.</p> <p>- Nội dung của Tờ trình và Đề án thành lập, mở rộng khu công nghệ cao đã được quy định cụ thể tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP và các nội dung này là phù hợp để áp dụng đối với Thành phố Hà Nội. Do đó, nội dung Tờ trình và Đề án được dẫn chiếu đến các quy định của pháp luật về khu công nghệ cao, mà không cần quy định cụ thể tại Quy định này.</p>
	<p>3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao do Ban quản lý khu công nghệ cao lập bao gồm:</p> <p>a) Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao.</p>	<p>- Nghị định số 10/2024/NĐ-CP chưa có quy định về hồ sơ đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao nên cần quy định cụ thể tại Quy định này, trong đó thành phần vẫn bao gồm “Tờ trình” và “Đề án” như đối với trường hợp thành lập và mở rộng.</p>

	<p>b) Đề án đề xuất điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao, bao gồm các nội dung sau: Căn cứ pháp lý, lý do và sự cần thiết của việc điều chỉnh ranh giới và giảm quy mô diện tích của khu công nghệ cao; đánh giá công tác xây dựng, phát triển và hoạt động của khu công nghệ cao hiện hữu; các khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao tại khu vực đề xuất đưa ra khỏi phạm vi ranh giới khu công nghệ cao; kiến nghị các giải pháp và tổ chức thực hiện; thể hiện phương án điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao trên bản đồ tỷ lệ 1:10.000 - 1:5.000; các nội dung khác có liên quan (nếu có).</p>	<p>- Đề xuất quy định nội dung cụ thể của Đề án điều chỉnh ranh giới, phù hợp với việc điều chỉnh ranh giới đồng thời giảm quy mô diện tích của khu công nghệ cao, làm căn cứ để các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.</p>
	<p>4. Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm lấy ý kiến tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đối với hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ trước khi gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p>	<p>- Theo quy định tại Nghị định 10/2024/NĐ-CP, UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao đến cơ quan chủ trì trình thành lập, mở rộng là Bộ KH-CN hoặc Bộ NN&amp;PTNT (khoản 5 Điều 7), trong quá trình xem xét đánh giá hồ sơ thì các cơ quan chủ trì này sẽ tổ chức lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.</p> <p>- Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng hồ sơ, đề nghị quy định đơn vị lập hồ sơ là Ban quản lý phải lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên môn có liên quan trước khi gửi UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo. Các cơ quan được lấy ý kiến phải trả lời Ban Quản lý đề xuất là 15 ngày làm việc, thời gian này là đủ dài để các cơ quan được lấy ý kiến nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến góp ý.</p>
<p><b>6</b></p>	<p><b>Điều 6. Trình tự, thủ tục đánh giá, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao</b></p>	
	<p>1. Ban quản lý khu công nghệ cao gửi Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này hồ</p>	<p>- Theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định 10/2024/NĐ-CP thì hồ sơ được gửi đến cơ quan chủ trì trình thành lập, mở rộng khu công nghệ cao là Bộ KH-CN hoặc Bộ NN&amp;PTNT.</p>

<p>sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao.</p>	<p>- Tại Quy định này đã đề xuất phương thức đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng khu công nghệ cao thông qua Hội đồng đánh giá do UBND Thành phố thành lập. Do đó đề xuất quy định hồ sơ được gửi đến đồng thời cả UBND Thành phố và cơ quan chuyên môn chủ trì trình thành lập, điều chỉnh, mở rộng khu công nghệ cao.</p>
<p>2. Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn trực thuộc làm đơn vị đầu mối tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao, cụ thể như sau:</p> <p>a) Sở Khoa học và Công nghệ trình thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao.</p> <p>b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao.</p> <p>c) Sở Thông tin và Truyền thông trình thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao quy định tại Điều 51 Luật Công nghệ thông tin.</p>	<p>- Phương thức đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao được đề xuất tại Quy định này là thông qua Hội đồng đánh giá do UBND Thành phố Thành lập, tuy nhiên để đảm bảo các quy định về hành chính thì cần phải giao một cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố làm đầu mối tham mưu, trình UBND Thành phố quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, đồng thời cũng là cơ quan thường trực của Hội đồng đánh giá.</p> <p>- Tương tự như quy định tại Nghị định 10/2024/NĐ-CP giao Bộ KH-CN và Bộ NN&amp;PTNT làm cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, tại Quy định này đề xuất giao Sở KH-CN, Sở NN&amp;PTNTT và Sở TTTT là cơ quan đầu mối tham mưu, trình UBND Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao tương ứng với từng loại hình khu công nghệ cao.</p>
<p>3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này trình Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao. Hội đồng đánh giá do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố làm Chủ tịch hội đồng, các thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và mời các chuyên gia thuộc lĩnh vực liên quan tham gia Hội đồng. Cơ quan chuyên môn quy định</p>	<p>- Đảm bảo có được các ý kiến đánh giá đa chiều và toàn diện, cả về góc độ quản lý và góc độ chuyên môn, Ban Quản lý đề xuất phương thức đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao thông qua Hội đồng đánh giá.</p> <p>- Đề xuất quy định Hội đồng đánh giá do UBND Thành phố quyết định thành lập, trong đó Chủ tịch Hội đồng là 01 Phó Chủ tịch UBND Thành phố và các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND Thành phố để bảo đảm sự chỉ đạo toàn diện, sâu sát trong quá trình xem xét, đánh giá hồ sơ và ra quyết định; quy định việc mời các chuyên gia tham gia Hội đồng để bảo đảm</p>

	<p>tại khoản 2 Điều này là cơ quan thường trực Hội đồng và giúp Hội đồng trong quá trình xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao</p>	<p>có các ý kiến chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên môn có liên quan; quy định các cơ quan chuyên môn được giao làm đầu mối trình UBND Thành phố sẽ là cơ quan thường trực của Hội đồng để đảm bảo sự xuyên suốt trong quá trình xem xét, đánh giá hồ sơ và trình UBND Thành phố quyết định.</p> <p>- Đề xuất quy định thời hạn cơ quan chuyên môn trình UBND Thành phố quyết định thành lập Hội đồng đánh giá là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đảm bảo đủ thời gian để cơ quan chuyên môn đầu mối hoàn thành danh sách các thành viên hội đồng và các chuyên gia tham gia hội đồng để trình UBND thành phố quyết định thành lập Hội đồng.</p>
	<p>4. Hội đồng tổ chức họp đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định thành lập. Kết quả đánh giá của Hội đồng được cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ban quản lý khu công nghệ cao.</p>	<p>- Đề xuất quy định thời gian Hội đồng tổ chức họp đánh giá hồ sơ đề nghị trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định thành lập để đảm bảo đủ thời gian để các thành viên Hội đồng nghiên cứu hồ sơ phục vụ cuộc họp đánh giá.</p> <p>- Đề xuất quy định cơ quan chuyên môn đầu mối có trách nhiệm gửi kết quả đánh giá của Hội đồng đến Ban quản lý để chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.</p>
	<p>5. Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao và nộp lại cho cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá của Hội đồng.</p>	<p>- Đề xuất quy định thời gian Ban quản lý phải hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho cơ quan chuyên môn đầu mối trong vòng 30 ngày, bảo đảm đủ thời gian để Ban quản lý thực hiện việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.</p>
	<p>6. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ban quản lý khu công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung (nếu có yêu cầu), cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này kiểm tra, rà soát và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao. Trong quá trình kiểm tra, rà soát,</p>	<p>- Đề xuất quy định thời gian cơ quan chuyên môn trình UBND Thành phố là tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện của Ban quản lý, thời gian này đủ để cơ quan chuyên môn rà soát và thực hiện các thủ tục để trình UBND Thành phố. Ngoài ra, cần quy định việc các cơ quan chuyên môn đầu mối có thể lấy thêm ý kiến của các cơ quan có liên quan trong trường hợp có những vấn đề còn chưa rõ hoặc có ý kiến khác</p>

<p>trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này có thể lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố về những vấn đề còn chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau. Thời gian hoàn thành việc lấy ý kiến bổ sung tối đa 10 ngày làm việc và không tính vào thời gian rà soát, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại khoản này.</p>	<p>nhau trước khi trình UBND Thành phố và thời gian hoàn thành việc lấy ý kiến bổ sung là 10 ngày làm việc.</p>
<p>7. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao và ban hành Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan trước khi quyết định việc thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao.</p>	<p>- Đề xuất quy định thời hạn UBND Thành phố ban hành quyết định việc thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao và ban hành Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao là tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn, thời gian này đủ dài để bảo đảm việc xem xét của UBND Thành phố được kỹ lưỡng trước khi ban hành, quyết định.</p> <p>- Đề xuất quy định UBND Thành phố có thể lấy thêm ý kiến của các Bộ, ngành liên quan để có thêm các ý kiến đánh giá về sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển và quản lý ngành, lĩnh vực ở cấp Quốc gia, trước khi ban hành quyết định về thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao.</p>
<p>8. Quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao là căn cứ để tổ chức triển khai lập hoặc điều chỉnh quy hoạch khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về quy hoạch và lập kế hoạch xây dựng, phát triển khu công nghệ cao.</p>	<p>- Sau khi có quyết định thành lập khu công nghệ cao thì phải thực hiện công tác lập quy hoạch chung xây dựng (quy mô từ 500 ha trở lên), hoặc lập quy hoạch phân khu xây dựng (quy mô dưới 500 ha) theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Luật Xây dựng. Sau khi có quyết định mở rộng hoặc điều chỉnh giảm quy mô diện tích khu công nghệ cao thì cần phải điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng cho phù hợp với quy mô, ranh giới mới. Vì vậy, đề xuất quy định nội dung này để làm rõ các công việc tiếp theo cần thực hiện sau khi UBND Thành phố có quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng khu công nghệ cao.</p>

		- Nội dung đề xuất này cũng tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP, tuy nhiên có bổ sung nội dung về điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao cho đầy đủ.
<b>7</b>	<b>Điều 7. Nội dung đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao của Hội đồng thẩm định</b>	
	1. Nội dung đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao.	- Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định 10/2024/NĐ-CP đã quy định cụ thể nội dung đánh giá hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao và các nội dung này là phù hợp để áp dụng đối với Thành phố Hà Nội. Vì vậy, đề xuất quy định nội dung đánh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao, mà không cần quy định cụ thể tại khoản này.
	2. Nội dung đánh giá hồ sơ đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao bao gồm: Cơ sở pháp lý và sự cần thiết của việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao; tác động của việc điều chỉnh ranh giới và giảm quy mô diện tích khu công nghệ cao đến việc thực hiện các mục tiêu của khu công nghệ cao hiện hữu; phương án phát triển khu công nghệ cao sau khi điều chỉnh giảm quy mô diện tích; phương án xử lý đối với phần diện tích được đưa ra khỏi phạm vi ranh giới của khu công nghệ cao; tính khả thi của việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao.	- Do Nghị định 10/2024/NĐ-CP không quy định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao, cho nên tại Quy định này cần quy định cụ thể nội dung đánh giá hồ sơ đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao, làm cơ sở để Hội đồng và cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, đánh giá hồ sơ.
<b>8</b>	<b>Điều 8. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao của cơ quan chuyên môn</b>	
	1. Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố của cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này về việc quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao.	- Tại Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP đã quy định về hồ sơ trình thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, tuy nhiên quy định này chỉ áp dụng cho trường hợp thành lập và mở rộng khu công nghệ cao và cơ quan lập hồ sơ là UBND cấp tỉnh và cơ quan trình là các Bộ, ngành.

	<p>2. Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố của Ban quản lý khu công nghệ cao về việc đề nghị thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu);</p> <p>3. Đề án thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao của Ban quản lý khu công nghệ cao (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu);</p> <p>4. Dự thảo Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao đối với trường hợp thành lập khu công nghệ cao (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu);</p> <p>5. Dự thảo Quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao;</p> <p>6. Các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).</p>	<p>- Vì vậy, tại Quy định này cần quy định cụ thể về hồ sơ của cơ quan chuyên môn đầu mối trình UBND Thành phố quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao trên cơ sở tham khảo quy định về hồ sơ trình thành lập, mở rộng khu công nghệ cao tại Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.</p>
<p><b>9</b></p>	<p><b>Điều 9. Đơn vị tổ chức lập và trình thẩm định nhiệm vụ, đề án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới</b></p>	
	<p>1. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tại khu công nghệ cao tổ chức lập nhiệm vụ, đề án quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng khu vực được giao đầu tư, nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt; trình Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đề án quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng và chấp thuận hồ sơ cắm mốc giới.</p>	<p>- Theo quy định tại Điều 25 Luật Xây dựng, quy hoạch khu công nghệ cao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 27/9/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP) thì trong khu công nghệ cao còn có trường hợp lập quy hoạch tổng mặt bằng đối với các lô đất có quy mô nhỏ (gọi là quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn).</p>
	<p>2. Đối với các trường hợp còn lại, giao đơn vị trực thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức lập và trình Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đề án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy</p>	<p>- Theo quy định tại Điều 24 Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018), UBND cấp tỉnh lập nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao (khoản 2), chủ đầu tư dự án lập quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư (khoản 3). Ngoài ra,</p>

<p>hoạch tổng mặt bằng, nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt.</p>	<p>theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng thì UBND cấp tỉnh lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới đối với đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (khoản 1), còn chủ đầu tư dự án tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch chi tiết được duyệt và phải lấy ý kiến chấp thuận của cơ quan thẩm định quy hoạch trước khi phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới (khoản 6).</p> <p>- Tại điểm a khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô đã giao cho Ban quản lý thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng trong phạm vi khu công nghệ cao. Do đó cần quy định cụ thể cơ quan tổ chức lập và trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới cho phù hợp với thẩm quyền của Ban quản lý được quy định tại Luật Thủ đô, cụ thể:</p> <p>+ Chủ đầu tư dự án lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng khu vực được giao đầu tư, nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt, trình Ban quản lý thẩm định, phê duyệt quy hoạch hoặc chấp thuận hồ sơ cấm mốc giới.</p> <p>+ Giao các Đơn vị chuyên môn thuộc Ban Quản lý tổ chức lập và trình Ban quản lý thẩm định, phê duyệt các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết còn lại và nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới để nhằm phân định, làm rõ vai trò của từng cơ quan, đơn vị và tránh chồng chéo trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch.</p>
<p>3. Các trường hợp không phải lập nhiệm vụ quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao và pháp luật về quy hoạch.</p>	<p>- Tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về các trường hợp không phải lập nhiệm vụ quy hoạch như sau: “3. <i>Khi lập quy hoạch phân khu xây dựng trong khu công nghệ cao thuộc khu vực có quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch. Khi lập quy</i></p>



		<p><i>hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ cao tại khu vực có trong quy hoạch chung xây dựng (nếu có), quy hoạch phân khu xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ.”</i></p> <p>- Vì vậy, đề xuất các trường hợp không phải lập nhiệm vụ quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao và pháp luật về quy hoạch.</p>
<b>10</b>	<b>Điều 10. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới</b>	
	1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	- Tại Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đã quy định về hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng. Đồng thời, tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng đã quy định cụ thể về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng (Điều 26 và Điều 27), nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (Điều 28 và Điều 29), quy hoạch tổng mặt bằng hay quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (Điều 30). Các quy định này phù hợp để áp dụng đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố, do đó đề xuất hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, mà không cần quy định cụ thể tại Quy định này.
	2. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	- Tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng đã quy định cụ thể về nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt và các quy định này phù hợp để áp dụng đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố. Do đó, đề xuất quy định hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, mà không cần quy định cụ thể tại Quy định này.

11	<b>Điều 11. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng</b>	
	1. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch quy định tại Điều 9 Quy định này triển khai lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan theo quy định tại khoản 7 Điều này.	<p>- Điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP quy định: “b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân các cấp”.</p> <p>- Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP quy định: “1. Cơ quan, chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng.”</p>
	2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch thực hiện việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng theo các ý kiến của cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư (nếu có) và trình Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt.	<p>- Do đó, để cụ thể hóa các quy định của pháp luật nêu trên, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ của các đơn vị trong việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo Quy định này, đề xuất quy định trình tự lập quy hoạch, tổ chức lấy ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ quy hoạch và trình Ban Quản lý thẩm định, phê duyệt như tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>
	3. Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi văn bản và hồ sơ kèm theo để lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc đối với đồ án phân khu xây dựng và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến bằng văn bản gửi Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc. Trường hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc trả lời chậm so với thời hạn quy định tại khoản này thì thời gian trả lời chậm sẽ không được tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch.	<p>- Tại Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội đã yêu cầu Ban quản lý phải lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng trước khi phê duyệt (điểm a, điểm b khoản 3 Điều 10).</p> <p>- Tuy nhiên, do nội dung của nhiệm vụ quy hoạch đều là các thông tin đã được xác định tại đồ án quy hoạch cấp trên được phê duyệt, đồng thời tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 10/2024 cũng quy định không phải lập nhiệm vụ quy hoạch trong trường hợp đã có quy hoạch cấp trên được phê duyệt. Do đó, đề xuất chỉ lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc đối với đồ án quy hoạch phân khu và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, mà</p>

		<p>không lấy ý kiến đối với nhiệm vụ quy hoạch. Nội dung đề xuất này cũng phù hợp với quy định tại Nghị định số 10/2024 và đảm bảo giảm bớt thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho nhà đầu tư trong trường hợp phải lập nhiệm vụ quy hoạch.</p> <p>- Quy định cụ thể thời gian Ban Quản lý phải gửi hồ sơ đi lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc là tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và thời gian Sở Quy hoạch - Kiến trúc phải có văn bản trả lời là tối đa 10 ngày làm việc. Thời gian 10 ngày là đủ để Sở Quy hoạch - Kiến trúc có thể xem xét, có ý kiến đối với đồ án quy hoạch. Trường hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc trả lời đúng thời hạn quy định thì tổng thời gian thẩm định nhiệm vụ hoặc đồ án quy hoạch (tính từ thời điểm nhận hồ sơ đến thời điểm ban hành Thông báo thẩm định) chỉ là 15 ngày làm việc.</p>
	<p>4. Đơn vị thẩm định tiến hành đánh giá, thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, tổng hợp ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc để lập báo cáo thẩm định trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>a) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để trình phê duyệt, trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng.</p> <p>b) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, đơn vị thẩm định ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi đơn vị tổ chức lập quy hoạch trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định. Đơn</p>	<p>- Về trình tự, thủ tục và thời gian thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng:</p> <p>+ Theo quy định tại điểm c khoản 5a Điều 10 và khoản 2 Điều 26 Nghị định 44/2015/NĐ-CP, đối với quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết thì thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 15 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 10 ngày (tổng thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ không quá 25 ngày); thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày (tổng thời gian thẩm định, phê duyệt đồ án không quá 40 ngày); thời gian thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng không quá 15 ngày (tổng thời gian, thẩm định phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng không quá 40 ngày), tương tự như với đồ án quy hoạch chi tiết theo quy định tại điểm c khoản 5a Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP.</p>

<p>vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, gửi đơn vị thẩm định trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả thẩm định. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đã được chỉnh sửa, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng. Thời gian đơn vị tổ chức lập quy hoạch chỉnh sửa hồ sơ không tính vào thời gian phê duyệt quy hoạch.</p>	<p>+ Thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định thời gian thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng đều không quá <b>15 ngày</b> làm việc, trong đó đã bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của Sở Quy hoạch Kiến trúc nếu trả lời đúng thời hạn 10 ngày theo quy định.</p> <p>- Về trình tự, thủ tục và thời gian phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng:</p> <p>+ Đối với trường hợp hồ sơ đủ điều kiện phê duyệt mà không cần chỉnh sửa, đề xuất quy định thời gian đơn vị thẩm định phải trình Ban quản lý phê duyệt trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả thẩm định.</p> <p>+ Đối với trường hợp phải chỉnh sửa, đơn vị thẩm định ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi đơn vị tổ chức lập quy hoạch trong thời gian tối đa 02 ngày. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ trong thời gian tối đa 10 ngày, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý phê duyệt trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc.</p>
<p>5. Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của đơn vị thẩm định.</p>	<p>- Đề xuất quy định thời gian Ban quản lý xem xét, phê duyệt là tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của đơn vị thẩm định. Theo đó, thời gian phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng của Ban quản lý là không quá <b>10</b> ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p> <p>- Như vậy, tổng thời gian thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng tối đa là <b>25 ngày</b> làm việc (bằng với thời gian thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định hiện hành)</p>

<p>6. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt:</p> <p>a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ cấm mốc giới hoặc có ý kiến chấp thuận về hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt.</p> <p>b) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao phê duyệt nhiệm vụ cấm mốc giới hoặc chấp thuận hồ sơ cấm mốc giới.</p> <p>c) Căn cứ nhiệm vụ cấm mốc giới được phê duyệt, đơn vị tổ chức lập quy hoạch lập hồ sơ cấm mốc giới trình Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới.</p> <p>d) Căn cứ quyết định phê duyệt hoặc ý kiến chấp thuận về hồ sơ cấm mốc giới của Ban quản lý khu công nghệ cao, đơn vị tổ chức lập quy hoạch triển khai cấm mốc giới trên thực địa.</p>	<p>- Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt là căn cứ để triển khai việc lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới. Vì vậy, đề xuất quy định trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới như sau:</p> <p>+ Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ cấm mốc giới (đối với nhiệm vụ cấm mốc giới do đơn vị chuyên môn thuộc Ban quản lý tổ chức lập) hoặc có ý kiến chấp thuận về hồ sơ cấm mốc giới (đối với hồ sơ cấm mốc giới do chủ đầu tư tổ chức lập). Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, Ban quản lý phê duyệt nhiệm vụ cấm mốc giới để làm căn cứ cho đơn vị chuyên môn lập hồ sơ cấm mốc giới hoặc chấp thuận hồ sơ cấm mốc giới để làm căn cứ cho chủ đầu tư phê duyệt và triển khai cấm mốc giới trên thực địa.</p> <p>+ Sau khi nhiệm vụ cấm mốc giới được phê duyệt, đơn vị tổ chức lập quy hoạch lập hồ sơ cấm mốc giới trình Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Ban quản lý phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới, làm căn cứ để đơn vị tổ chức lập quy hoạch triển khai cấm mốc giới trên thực địa.</p>
<p>7. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch phân khu xây dựng tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản và hồ sơ, tài liệu kèm theo và đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho đơn vị lấy ý kiến. Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày làm việc. Việc giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch.</p>	<p>- Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Xây dựng và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng phối hợp với UBND các cấp có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng. Tuy nhiên, khi khu công nghệ cao đi vào hoạt động thì trong phạm vi ranh giới khu công nghệ cao không còn dân cư sinh sống, do đó việc lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch cần bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, Ban Quản lý đề xuất chỉ thực hiện lấy ý</p>

		<p>kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đối với đề án quy hoạch phân khu xây dựng.</p> <p>- Theo quy định tại Điều 17 Luật Xây dựng: Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo; cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản hoặc góp ý kiến trực tiếp (khoản 1 Điều 17); thời gian lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng ít nhất là 20 ngày đối với cơ quan, 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư (khoản 4). Vì vậy, đề xuất quy định việc lấy ý kiến thông qua hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày làm việc.</p> <p>- Tại Điều 24 Nghị định 44/2015/NĐ-CP đã quy định về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, trong đó các nội dung góp ý phải được phân tích, giải trình đầy đủ và văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến là một thành phần của hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng. Các quy định nêu trên phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao, do đó đề xuất quy định việc giải trình, tiếp thu ý kiến được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, mà không cần quy định cụ thể tại Quy định này.</p>
	<p>8. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ, đề án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng của đơn vị thẩm định bao gồm:</p> <p>a) Các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này (đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo yêu cầu tại văn bản thông báo kết quả thẩm định);</p> <p>b) Văn bản ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và văn bản ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan (đối với trường hợp phải lấy ý kiến);</p>	<p>- Đề xuất quy định cụ thể hồ sơ mà đơn vị thẩm định trình Ban quản lý phê duyệt quy hoạch tại Quy định này, trong đó bao gồm các hồ sơ, tài liệu, văn bản đã được thiết lập, hình thành trong suốt quá trình từ khi đơn vị tổ chức lập quy hoạch trình Ban quản lý thẩm định, phê duyệt đến khi hoàn thành việc chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định.</p>

<p>c) Văn bản của đơn vị tổ chức lập quy hoạch về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư; văn bản của đơn vị tổ chức lập quy hoạch về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của đơn vị thẩm định (nếu có yêu cầu chỉnh sửa hồ sơ);</p> <p>d) Văn bản thông báo kết quả thẩm định đã gửi cho đơn vị tổ chức lập quy hoạch;</p> <p>đ) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch của đơn vị thẩm định;</p> <p>e) Tờ trình đề nghị Ban quản lý khu công nghệ cao phê duyệt của đơn vị thẩm định;</p> <p>g) Dự thảo Quyết định phê duyệt của Ban quản lý khu công nghệ cao và dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt.</p>	
<p>9. Việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng được thực hiện theo trình tự, thủ tục về thẩm định, phê duyệt quy hoạch tại Quy định quy định này và các quy định của pháp luật về quy hoạch.</p>	<p>- Luật Xây dựng 2014 đã quy định các loại điều chỉnh quy hoạch gồm điều chỉnh tổng thể và điều chỉnh cục bộ (Điều 37), trình tự thủ tục điều chỉnh quy hoạch (Điều 38 và Điều 39). Tại Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP đã quy định về trình tự điều chỉnh tổng thể và cục bộ quy hoạch.</p>
<p>10. Đối với dự án đầu tư xây dựng có công trình thuộc danh mục bí mật nhà nước thì chủ đầu tư dự án lập quy hoạch tổng mặt bằng trong bước lập chủ trương đầu tư hoặc lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Ban quản lý, làm cơ sở triển khai những bước tiếp theo. Thời gian cho ý kiến của Ban quản lý không quá 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Liên quan đến việc lập quy hoạch của dự án có công trình bí mật nhà nước, tại khoản 5b Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP đã quy định như sau: “<i>Đối với dự án đầu tư xây dựng có công trình thuộc danh mục bí mật nhà nước thì lập quy hoạch tổng mặt bằng trong bước lập chủ trương đầu tư; chủ đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, làm cơ sở triển khai những bước tiếp theo; thời gian cho ý kiến không quá 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>”.</p>

		- Tuy nhiên quy định trên chỉ áp dụng với đối tượng dự án có quy mô nhỏ thuộc diện lập quy hoạch tổng mặt bằng, không áp dụng được với đối tượng dự án thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết. Để bảo đảm một mặt bằng cơ chế, chính sách chung cho tất cả các dự án có công trình bí mật nhà nước được đầu tư tại khu công nghệ cao, Ban Quản lý đề xuất quy định chủ đầu tư được thực hiện đồng thời công tác lập quy hoạch tổng mặt bằng trong bước lập chủ trương đầu tư (như quy định tại khoản 5b Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP) hoặc lập quy hoạch chi tiết trong bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Ban quản lý chỉ tham gia ý kiến mà không phê duyệt quy hoạch đối với các dự án thuộc loại này.
<b>12</b>	<b>Điều 12. Quy định chung về cấp giấy phép xây dựng</b>	
	1. Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép xây dựng đối với việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời các công trình xây dựng trong phạm vi khu công nghệ cao.	- Tại điểm d khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô đã quy định Ban quản lý thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép xây dựng đối với việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình trong phạm vi khu công nghệ cao.
	2. Điều kiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng, trường hợp được miễn cấp giấy phép xây dựng, trường hợp phải cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép xây dựng, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, giấy phép di dời công trình, hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.	- Tại Luật Xây dựng và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng đã quy định cụ thể về các nội dung liên quan đến việc cấp phép xây dựng, cụ thể: + Điều kiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng: Điều 91, 92, 93, 94 Luật Xây dựng; Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP + Các trường hợp miễn giấy phép xây dựng: khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng; Điều 49 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. + Các trường hợp cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép xây dựng: khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 100, Điều 101 Luật Xây dựng; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.



		<p>+ Hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Điều 95, 96, 97, khoản 2 Điều 98, khoản 2 Điều 99, khoản 2 Điều 100 Luật Xây dựng; Điều 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 52 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Các quy định nêu trên đều phù hợp để áp dụng đối với các khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan cấp giấy phép xây dựng. Do đó đề xuất việc thực hiện các nội dung này theo quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng, mà không cần quy định cụ thể tại Quy định này.</p>
<b>13</b>	<b>Điều 13. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng và điều chỉnh giấy phép xây dựng</b>	
	1. Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, điều chỉnh giấy phép xây dựng theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.	- Tại khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng 2014 đã quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng và điều chỉnh giấy phép xây dựng. Các quy định này là phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan cấp phép xây dựng. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tất cả các bước của quy trình cấp phép, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục cấp và điều chỉnh giấy phép xây dựng tại Quy định này, trong đó:
	2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao hoàn thành việc kiểm tra các điều kiện cấp phép xây dựng, việc kiểm tra và đối chiếu các nội dung đã được cơ quan, tổ chức thẩm định, thẩm duyệt, thẩm tra theo quy định pháp luật về xây dựng và việc kiểm tra thực địa.	+ Thời gian Ban quản lý hoàn thành việc kiểm tra điều kiện cấp phép, hồ sơ đề nghị cấp phép và kiểm tra thực địa là tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và ban hành văn bản thông báo (lần 1) cho chủ đầu tư để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng 2014 thì thời hạn này là 07 ngày).
	a) Trong quá trình kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, Ban quản lý khu công nghệ cao phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.	+ Thời gian Ban quản lý tiếp tục ban hành văn bản thông báo (lần 2) cho chủ đầu tư để hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung chưa đáp ứng yêu cầu là tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chỉnh sửa (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng 2014 thì thời hạn này là 05 ngày).
	b) Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ban quản lý khu công nghệ cao thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách	

<p>nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Thời gian chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, Ban quản lý khu công nghệ cao thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.</p>	<p>+ Thời gian Ban quản lý thông báo đến chủ đầu tư lý do không cấp phép xây dựng trong trường hợp hồ sơ bổ sung vẫn không đáp ứng là tối đa 02 ngày làm việc (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng 2014 thì thời hạn này là 03 ngày).</p> <p>+ Thời gian các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công trình xây dựng phải gửi văn bản ý kiến (nếu được lấy ý kiến) cho Ban quản lý là tối đa 07 ngày làm việc (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng 2014 thì thời hạn này là 12 ngày).</p>
<p>c) Việc kiểm tra, đối chiếu các nội dung đã được cơ quan, tổ chức thẩm định, thẩm duyệt, thẩm tra được thực hiện theo các quy định của pháp luật xây dựng.</p>	<p>+ Thời gian Ban quản lý ban hành Giấy phép xây dựng là tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và nhận được văn bản góp ý kiến đúng hạn, không bao gồm thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ (theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng 2014 thì thời hạn này là 20 ngày).</p>
<p>3. Trường hợp cần thiết, trong thời gian xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng của chủ đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Thời gian lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước không tính vào thời gian cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Ban quản lý khu công nghệ cao căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.</p>	<p>+ Thời gian Ban quản lý thông báo cho chủ đầu tư về việc cần xem xét thêm hồ sơ xin cấp phép xây dựng là tối đa 05 ngày kể từ ngày hết hạn thời gian giải quyết thủ tục hành chính (theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 102 thì thời hạn này là 10 ngày).</p> <p>- Như vậy với quy trình nêu trên, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về cấp và điều chỉnh giấy phép xây dựng được giảm từ 20 ngày làm việc theo quy định xuống còn tối đa <b>15 ngày</b>.</p>
<p>4. Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét hồ sơ để cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng trong thời gian tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp đến thời hạn cấp giấy phép nhưng cần phải xem</p>	

	xét thêm thì Ban quản lý khu công nghệ cao phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do, nhưng không được quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn theo quy định tại khoản này.	
<b>14</b>	<b>Điều 14. Trình tự, thủ tục gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng</b>	
	<p>1. Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư.</p>	<p>- Tại khoản 2 Điều 102 Luật Xây dựng đã quy định về trình tự, thủ tục gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan cấp phép có trách nhiệm gia hạn hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.</p> <p>- Để thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì Ban quản lý có trách nhiệm gia hạn hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.</p>
<b>15</b>	<b>Điều 15. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy giấy phép xây dựng</b>	
	<p>1. Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm rà soát, xác định các giấy phép xây dựng thuộc trường hợp bị thu hồi theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm có cơ sở xác định giấy phép xây dựng thuộc trường hợp thu hồi theo quy định, Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành quyết định thu hồi giấy phép xây dựng, gửi quyết định cho chủ đầu tư bị thu hồi giấy phép xây dựng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng để công bố công khai trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.</p>	<p>- Tại khoản 2 Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã quy định trình tự thủ tục thu hồi và hủy giấy phép xây dựng. Các quy định này là phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy phép xây dựng. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tất cả các bước của quy trình này, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục thu hồi và hủy giấy phép xây dựng tại Quy định này, trong đó:</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý ban hành Quyết định thu hồi giấy phép xây dựng là tối đa 05 ngày kể từ thời điểm có cơ sở xác định giấy phép xây dựng</p>

	<p>3. Chủ đầu tư bị thu hồi giấy phép xây dựng phải nộp lại bản gốc giấy phép xây dựng cho Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi.</p> <p>Trường hợp chủ đầu tư bị thu hồi giấy phép xây dựng không nộp lại giấy phép xây dựng theo quy định thì trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp lại bản gốc giấy phép xây dựng, Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành quyết định hủy giấy phép xây dựng và thông báo cho chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng.</p>	<p>thuộc trường hợp thu hồi (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP là tối đa 10 ngày).</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý ban hành Quyết định hủy giấy phép xây dựng là tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp lại bản gốc giấy phép xây dựng của chủ đầu tư (pháp luật hiện hành không quy định cụ thể thời gian này).</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý cấp lại giấy phép xây dựng sau khi thu hồi và hủy giấy phép xây dựng do lỗi của ghi sai của cơ quan cấp phép xây dựng là tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thu hồi hoặc hủy giấy phép xây dựng (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 53 là 05 ngày).</p>
	<p>4. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng sau khi bị thu hồi, hủy:</p> <p>a) Đối với trường hợp thu hồi hoặc hủy giấy phép xây dựng bị ghi sai do lỗi của Ban quản lý khu công nghệ cao, Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm cấp lại giấy phép xây dựng trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thu hồi hoặc hủy giấy phép xây dựng.</p> <p>b) Đối với trường hợp thu hồi hoặc hủy giấy phép xây dựng còn lại, chủ đầu tư bị thu hồi giấy phép xây dựng được đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định sau khi đã nộp lại hoặc hủy giấy phép xây dựng và hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.</p>	
<p><b>16</b></p>	<p><b>Điều 16. Quy định chung về chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</b></p>	
	<p>1. Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng</p>	<p>- Điểm b, khoản 3, Điều 24 Luật thủ đô quy định: Ban quản lý khu công nghệ cao chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của</p>

<p>nhận đăng ký đầu tư cho các dự án đầu tư trong phạm vi khu công nghệ cao.</p>	<p>Ủy ban nhân dân Thành phố; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 32 Luật đầu tư 2020 quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban quản lý khu công nghệ đối với dự án đầu tư tại khu công nghệ cao: <i>Đối với dự án đầu tư quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế chấp thuận chủ trương đầu tư.</i></li> <li>- Điểm c Khoản 4 Điều 29 Luật đầu tư 2020 quy định <i>cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao.</i></li> <li>- Khoản 5 Điều 41 Luật đầu tư 2020 quy định <i>cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thì có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</i> Như vậy, Ban quản lý khu công nghệ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trong phạm vi khu công nghệ cao.</li> <li>- Khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư 2020 quy định <i>Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.</i></li> </ul>
<p>2. Trong quá trình giải quyết hồ sơ, thủ tục, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định.</p>	<p>- Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định: <i>Việc lấy ý kiến giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư được thực hiện như sau:</i></p>

<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định thực hiện thẩm định các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý. Văn bản tham gia ý kiến thẩm định phải đảm bảo đầy đủ, rõ ràng về nội dung và gửi về Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn theo quy định. Trường hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định trả lời chậm so với thời hạn quy định thì thời gian trả lời chậm không tính vào thời gian thực hiện thủ tục.</p>	<p>a) Cơ quan lấy ý kiến phải xác định nội dung đề nghị có ý kiến phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được lấy ý kiến và thời hạn trả lời theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này;</p> <p>b) Trong thời hạn quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời và chịu trách nhiệm về nội dung ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó; quá thời hạn quy định mà không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đó.</p>
<p>3. Điều kiện, hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về công nghệ cao và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>- Quy định về Hồ sơ chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư/cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:</p> <p>+ Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư 2020 quy định Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p> <p>+ Khoản 1 Điều 44 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định Hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý khu công nghệ cao, Hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (trừ trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).</p> <p>- Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Tại khoản 2 Điều 38 Luật Đầu tư 2020 quy định các điều kiện nhà đầu tư cần đáp ứng để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</p>
<p>4. Ban quản lý khu công nghệ cao thẩm định đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư theo các nội dung quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP; các điều kiện, nguyên tắc, tiêu chí quy định</p>	<p>- Quy định về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư:</p> <p>+ Khoản 6 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.</p>

<p>tại Điều 24 và Điều 28 Nghị định 10/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khoản 8 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định nội dung dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư</li> <li>- Quy định về việc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí tương ứng đối với loại hình dự án đầu tư:</li> <li>+ Tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 28 Nghị định 10/2024/NĐ-CP quy định nguyên tắc đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao.</li> <li>+ Tại khoản 6 Điều 28 Nghị định 10/2024/NĐ-CP quy định: <i>Ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, mỗi loại hình dự án đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí tương ứng đối với từng loại hình quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31, khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 33 Nghị định này</i></li> <li>- Quy định về việc lấy ý kiến, thẩm định công nghệ :</li> <li>+ Tại khoản 2 Điều 13 Luật Chuyển giao công nghệ 2017 quy định: <i>Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư sau đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao;</li> <li>b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.</li> </ul> </li> <li>+ Tại khoản 4 Điều 13 Luật Chuyển giao công nghệ 2017 quy định <i>Trường hợp triển khai thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến thì chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ để tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về việc điều chỉnh, thay đổi công nghệ.</i></li> </ul>
---	---

	<p>5. Ban quản lý khu công nghệ cao cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư khi dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định 31/2021/NĐ-CP; các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Điều 28 Nghị định 10/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư 2020 quy định <i>Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.</i></p>
<p><b>17</b></p>	<p><b>Điều 17. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư</b></p>	
	<p>1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 16 Quy định này và gửi về Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc.</p> <p>3. Đơn vị thẩm định tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định để lập báo cáo thẩm định trong thời gian tối đa 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>a) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao chấp thuận chủ trương đầu tư trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p> <p>Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cho Nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày</p>	<p>- Tại khoản 7 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư tại khu công nghệ cao. Các quy định này là phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tất cả các bước của quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quy định này, trong đó:</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là 03 ngày làm việc)</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 22 ngày làm việc kể nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó đã bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan nếu trả lời đúng thời hạn 15 ngày theo quy định (theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).</p>



	<p>làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p> <p>b) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư và nêu rõ lý do trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p> <p>Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư cho Nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p> <p>c) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi Nhà đầu tư trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p>	<p>- Như vậy với quy trình, thủ tục nêu trên, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về chấp thuận chủ trương đầu tư đề xuất giảm từ 25 ngày làm việc theo quy định xuống còn tối đa 22 ngày làm việc.</p> <p>- Quy định rõ trình tự, thủ tục, kết quả cụ thể của thủ tục.</p>
<p><b>18</b></p>	<p><b>Điều 18. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư</b></p>	
	<p>1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản</p>	<p>- Tại khoản 7 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP đã quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư tại khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tất cả các bước của quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quy định này, trong đó:</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm</p>

<p>2 Điều 16 của Quy định này và gửi về Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc.</p> <p>3. Đơn vị thẩm định tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định để lập Báo cáo thẩm định trong thời gian tối đa 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>a) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p> <p>Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p> <p>b) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao văn bản từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và nêu rõ lý do.</p> <p>Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận</p>	<p>vi quản lý nhà nước của cơ quan đó quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là 03 ngày làm việc)</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 22 ngày làm việc kể nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó đã bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan nếu trả lời đúng thời hạn 15 ngày theo quy định (theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).</p> <p>- Như vậy với quy trình, thủ tục nêu trên, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đề xuất giảm từ 25 ngày làm việc theo quy định xuống còn tối đa 22 ngày làm việc.</p> <p>- Quy định rõ trình tự, thủ tục, kết quả cụ thể của thủ tục.</p>
---	--

	<p>được kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p> <p>c) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi Nhà đầu tư trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p>	
<b>19</b>	<b>Điều 19. Trình tự, thủ tục chấp thuận nhà đầu tư</b>	
	<p>1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này và gửi về Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc.</p> <p>3. Đơn vị thẩm định tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định để lập Báo cáo thẩm định trong thời gian tối đa 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>a) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao chấp thuận nhà đầu tư trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p>	<p>- Tại khoản 4 Điều 30 Nghị định 31/2021/NĐ-CP đã quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đầu tư (<i>Đối với dự án đầu tư quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế chấp thuận chủ trương đầu tư</i>). Các quy định này là phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan chấp thuận nhà đầu tư. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tất cả các bước của quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quy định này, trong đó:</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 30 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là 03 ngày làm việc)</p>

	<p>Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét chấp thuận nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p> <p>b) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao văn bản từ chối chấp thuận nhà đầu tư và nêu rõ lý do.</p> <p>Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành văn bản thông báo từ chối chấp thuận nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p> <p>c) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi Nhà đầu tư trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p>	<p>+ Thời gian Ban quản lý chấp thuận nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 22 ngày làm việc kể nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó đã bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan nếu trả lời đúng thời hạn 15 ngày theo quy định (theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).</p> <p>- Như vậy với quy trình, thủ tục nêu trên, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về chấp thuận nhà đầu tư đề xuất giảm từ 25 ngày làm việc theo quy định xuống còn tối đa 22 ngày làm việc.</p> <p>- Quy định rõ trình tự, thủ tục, kết quả cụ thể của thủ tục.</p>
<p><b>20</b></p>	<p><b>Điều 20. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý khu công nghệ cao</b></p>	
	<p>1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao;</p> <p>2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của</p>	<p>- Khoản 6 Điều 41 Luật Đầu tư 2020 quy định Trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng tại các điều 34, 35 và 36 của Luật này đối với các nội dung điều chỉnh. Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Các quy định này là</p>

<p>cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này và gửi về Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc.</p> <p>3. Đơn vị thẩm định tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định để lập Báo cáo thẩm định trong thời gian tối đa 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>a) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p> <p>Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư cho Nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p> <p>b) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định có trách nhiệm trình Ban quản lý khu công nghệ cao văn bản từ chối chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và nêu rõ lý do trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p> <p>Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành văn bản thông báo từ chối chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư cho Nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.</p>	<p>phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tất cả các bước của quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quy định này, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó và các quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là 03 ngày làm việc)</li> <li>+ Thời gian Ban quản lý điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn tối đa 22 ngày làm việc kể nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó đã bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan nếu trả lời đúng thời hạn 15 ngày theo quy định (theo quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).</li> <li>- Như vậy với quy trình, thủ tục nêu trên, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đề xuất giảm từ 25 ngày làm việc theo quy định xuống còn tối đa 22 ngày làm việc.</li> <li>- Quy định rõ trình tự, thủ tục, kết quả cụ thể của thủ tục.</li> </ul>
--	---

	<p>c) Trường hợp báo cáo thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi Nhà đầu tư trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định.</p>	
<p><b>21</b></p>	<p><b>Điều 21. Trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối</b></p>	
	<p><b>với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b></p> <p>1. Đối với Dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Nhà đầu tư nộp Hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>2. Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp Hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>Ban Quản lý khu công nghệ cao cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p>	<p>Điều 35 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. Các quy định này là phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính của quy trình cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quy định này, trong đó:</p> <p>+ Thời gian Ban quản lý khu công nghệ cao cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là 05 ngày làm việc).</p> <p>+ Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp Hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao. Thời gian Ban quản lý khu công nghệ cao cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là 05 ngày làm việc).</p>

		Như vậy với quy trình, thủ tục nêu trên, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư giảm từ 05 ngày làm việc theo quy định xuống còn tối đa 02 ngày làm việc.
<b>22</b>	<b>Điều 22. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b>	
	<p>1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao. Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>2. Ban quản lý khu công nghệ cao cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện theo quy định.</p>	Khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.
<b>23</b>	<b>Điều 23. Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b>	
	<p>1. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp Hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p>	Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Các quy định này là phù hợp để áp dụng đối với khu công nghệ cao và Ban quản lý là cơ quan điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính đối với trường hợp điều chỉnh dự án liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng

	<p>2. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p>	<p>ký đầu tư, đề xuất quy định cụ thể trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quy định này, theo đó:</p> <p>Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp Hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý khu công nghệ cao. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư (theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định 31/2021/NĐ-CP là 03 ngày làm việc)</p> <p>Như vậy với quy trình, thủ tục nêu trên, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư giảm từ 03 ngày làm việc theo quy định xuống còn tối đa 02 ngày làm việc.</p>
<p><b>24</b></p>	<p><b>Điều 24. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</b></p>	
	<p>1. Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, Nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án cho Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>2. Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư tại các điểm b và c khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư 2020, nhà đầu tư thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) cho Ban Quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư kèm theo bản sao tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động</p>	<p>Khoản 2 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định Điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó có trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p>



	<p>của dự án đầu tư. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan.</p> <p>3. Trường hợp chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư 2020, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư có hiệu lực.</p>	
<b>25</b>	<b>Điều 25. Quy định chung</b>	
	<p>1. Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện việc chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được của các doanh nghiệp có trụ sở chính tại khu công nghệ cao hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị có vị trí công việc cần sử dụng người lao động nước ngoài mà phạm vi làm việc chỉ trong khu công nghệ cao; chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu hoạt động tại khu công nghệ cao; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao; xác nhận người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao không thuộc diện cấp giấy phép lao động.</p> <p>2. Điều kiện, hồ sơ, biểu mẫu, trình tự, thủ tục thực hiện chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao; xác nhận người nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao không thuộc diện cấp</p>	<p>- Điểm c Khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024 quy định Ban Quản lý khu công nghệ cao được thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Khu Công nghệ cao, trong đó đã quy định cụ thể về đối tượng và phạm vi áp dụng.</p> <p>- Các yêu cầu về điều kiện, hồ sơ thực hiện, trình tự, thủ tục các thủ tục quy định đối với người lao động nước ngoài đã được quy định cụ thể theo quy định của pháp luật về lao động. Do đó cần quy định thêm điểm 2 điều này để dẫn chiếu đến quy định của pháp luật về lao động. Cụ thể các quy định về lao động nước ngoài được dẫn chiếu đến quy định của pháp luật về lao động ở thời điểm hiện hành gồm:</p> <p>- Mục 3 Chương XI Bộ Luật Lao động 2019</p> <p>- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;</p>

	giấy phép lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.	- Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
<b>26</b>	<b>Điều 26. Trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu</b>	
	<p>1. Trước khi tuyển người lao động nước ngoài, Nhà thầu nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghệ cao trong đó kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của người lao động nước ngoài cần tuyển để thực hiện gói thầu tại Việt Nam và đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung số lao động đã kê khai thì chủ đầu tư phải xác nhận phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu lao động cần sử dụng của nhà thầu.</p> <p>2. Ban quản lý khu công nghệ cao đề nghị các cơ quan, tổ chức của địa phương giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức ở địa phương khác để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu. Trong thời hạn tối đa 02 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam.</p> <p>3. Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam trong</p>	- Điều 5 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, hồ sơ, biểu mẫu thực hiện việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu, do đó tại nội dung của Nghị quyết được xây dựng trình tự, thủ tục ở mức độ chung theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao.

	trường hợp không giới thiệu hoặc cung ứng được người lao động Việt Nam được cho nhà thầu.	
<b>27</b>	<b>Điều 27. Trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí mà người Việt Nam chưa đáp ứng được</b>	
	<p>1. Người sử dụng lao động thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội trong thời gian ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình với Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện, nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài về vị trí, chức danh công việc, hình thức làm việc, số lượng, địa điểm thì người sử dụng lao động phải báo cáo Ban quản lý khu công nghệ cao ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.</p>	<p>- Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP) đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, hồ sơ, biểu mẫu thực hiện việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí mà người Việt Nam chưa đáp ứng được, do đó tại nội dung của Nghị quyết được xây dựng trình tự, thủ tục ở mức độ chung theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>- Để thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (giảm 05 ngày so với quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP là 10 ngày), Ban Quản lý Khu Công nghệ cao có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.</p>

28	<b>Điều 28. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao</b>	
	<p>1. Trước ít nhất 15 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam, người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động gửi Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Trường hợp không cấp giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>3. Đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động, sau khi người lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động.</p> <p>Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép lao động đó. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.</p>	<p>- Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (được sửa, bổ sung bởi điểm a, b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP) đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thời hạn, Hồ sơ, biểu mẫu thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, do đó tại nội dung của Nghị quyết được xây dựng trình tự, thủ tục ở mức độ chung theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>- Để thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP là 05 ngày), Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Trường hợp không cấp giấy phép lao động thì có văn bản trả lời.</p>
29	<b>Điều 29. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao</b>	
	<p>1. Người sử dụng lao động nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao cấp lại giấy phép lao</p>	<p>- Điều 12,13,14,15 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (được sửa, bổ sung bởi khoản 7, điểm đ, e khoản 13, điểm a khoản 14 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP) đã quy định chi tiết về các trường hợp được cấp lại giấy phép lao động, trình tự, thủ tục, thời hạn, hồ sơ, biểu mẫu thực hiện việc</p>

	<p>động cho người lao động nước ngoài. Trường hợp không cấp lại giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, do đó tại nội dung của Nghị quyết được xây dựng trình tự, thủ tục ở mức độ chung theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>- Để thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với quy định tại Điều 14 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP là 03 ngày), Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Trường hợp không cấp lại giấy phép lao động thì có văn bản trả lời.</p>
<p><b>30</b></p>	<p><b>Điều 30. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao</b></p>	
	<p>1. Trước ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày trước ngày giấy phép lao động hết hạn, người sử dụng lao động phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghệ cao gia hạn giấy phép lao động. Trường hợp không gia hạn giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>3. Đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động, sau khi người lao động nước ngoài được gia hạn giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động.</p> <p>Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền đã gia hạn giấy phép</p>	<p>- Điều 16,17,18 và 19 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (được sửa, bổ sung bởi điểm e, g khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP) đã quy định chi tiết về điều kiện, thời hạn, trình tự, thủ tục, Hồ sơ, biểu mẫu thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài do đó tại nội dung của Nghị quyết được xây dựng trình tự, thủ tục ở mức độ chung theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>- Để thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP là 05 ngày), Ban quản lý khu công nghệ cao gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Trường hợp không gia hạn giấy phép lao động thì có văn bản trả lời.</p>

	lao động đó. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.	
<b>31</b>	<b>Điều 31. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép lao động</b>	
	<p>1. Đối với trường hợp Giấy phép lao động hết hiệu lực theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 156 của Bộ luật Lao động, trong 15 ngày kể từ ngày giấy phép lao động hết hiệu lực, người sử dụng lao động thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài để nộp lại Ban quản lý khu công nghệ cao kèm theo văn bản nêu rõ lý do thu hồi, trường hợp thuộc diện thu hồi nhưng không thu hồi được.</p> <p>2. Đối với trường hợp người sử dụng lao động hoặc người lao động nước ngoài không thực hiện đúng quy định pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, người lao động nước ngoài trong quá trình làm việc ở Việt Nam không thực hiện đúng pháp luật Việt Nam làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Ban quản lý khu công nghệ cao ra quyết định thu hồi giấy phép lao động và thông báo cho người sử dụng lao động để thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài và nộp lại cho Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép lao động đã thu hồi, Ban quản lý khu công nghệ cao có văn bản xác nhận đã thu hồi giấy phép lao động gửi người sử dụng lao động.</p>	<p>- Điều 20 và 21 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đã quy định chi tiết về các trường hợp bị thu hồi, trình tự, thủ tục, biểu mẫu thực hiện việc thu hồi giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, do đó tại nội dung của Nghị quyết được xây dựng trình tự, thủ tục ở mức độ chung theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>- Để thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép lao động đã thu hồi (giảm 02 ngày so với quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP là 05 ngày), Ban quản lý khu công nghệ cao có văn bản xác nhận đã thu hồi giấy phép lao động.</p>
<b>32</b>	<b>Điều 32. Trình tự, thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài làm việc tại Khu Công nghệ cao không thuộc diện cấp giấy phép lao động</b>	

	<p>1. Người sử dụng lao động đề nghị Ban Quản lý Khu Công nghệ cao xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài bắt đầu làm việc.</p> <p>Đối với trường hợp không phải thực hiện thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của pháp luật về lao động, người sử dụng lao động phải báo cáo với Ban quản lý khu công nghệ cao thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc trước ít nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, Ban quản lý khu công nghệ cao có văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Trường hợp không xác nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>- Điều 8, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (được sửa, bổ sung bởi điểm b, c, g khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP) đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, hồ sơ, biểu mẫu thực hiện việc xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Do đó, tại nội dung của Nghị quyết được xây dựng trình tự, thủ tục ở mức độ chung theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao.</p> <p>- Để thực hiện mục tiêu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất quy định trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP là 05 ngày), Ban quản lý khu công nghệ cao có văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.</p>
33	<b>Điều 33. Phân công trách nhiệm và xử lý chuyển tiếp</b>	
	<p>Doanh nghiệp, nhà thầu, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc sử dụng người lao động nước ngoài hoặc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được lựa chọn báo cáo việc thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài hoặc thực hiện thủ tục cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài tại Ban Quản lý khu công nghệ cao hoặc cơ quan có thẩm quyền đã chấp thuận, cấp giấy phép lao động.</p>	<p>Nội dung xử lý chuyển tiếp được xác định căn cứ theo Khoản 7, Điều 54, Luật thủ đô.</p>

